

Số: *142* /2019/CBTT-BCTN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

V/v: Công bố báo cáo thường niên năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
2. Trụ sở chính: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
3. Điện thoại: 024.37545293 Fax: 024. 37566892
4. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trung Kiên
5. Chức vụ: Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
6. Điện thoại: 024. 32191098/ 0903007539
7. Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
8. Nội dung thông tin công bố:
- Công bố Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty
9. Địa chỉ website đăng tải nội dung: <http://cmbvn.com.vn/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2018 *4*

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: TCHC, TCKT

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Người đại diện theo pháp luật *th*

Tổng giám đốc



Phạm Trung Kiên
Phạm Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

-----***-----

Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh,
Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Website: www.cmbvn.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0200119411** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2004; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/6/2016;

- Vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2018): **40.040.000.000 đồng**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2018): **40.040.000.000 đồng**

- Địa chỉ: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Số điện thoại: 024.37545293 Số fax: 024.37566892

- Website: www.cmbvn.com.vn

- Mã cổ phiếu: **TVH**

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (CMB) được thành lập từ năm 1966 thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, chuyên đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 4039/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và chuyển về làm thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) tại Quyết định số 1808/QĐ-BGTVT ngày 21/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/10/2004 với vốn điều lệ là 7,0 tỉ đồng, trong đó vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51%, vốn của các cổ đông cá nhân khác chiếm 49%.

Năm 2009, thực hiện chủ trương của cấp có thẩm quyền, CMB đã phát hành thêm thêm 0,7 tỉ đồng vốn điều lệ cho cán bộ công nhân viên đang công tác tại Công ty. Sau khi phát hành tăng vốn điều lệ, số vốn điều lệ của CMB là 7,7 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 49% (tương ứng 3,773 tỷ đồng), các cổ đông cá nhân khác nắm giữ 51% (tương ứng 3,927 tỷ đồng).

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, CMB đã thực hiện hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 40,04 tỉ đồng, điều chỉnh đăng kí kinh doanh từ ngày 15/6/2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình cảng, đường thủy, giao thông, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Địa bàn kinh doanh: Trên phạm vi cả nước, Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội và có các Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị: Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của

Hội đồng quản trị. Hiện nay, Ban điều hành Công ty có một (01) Tổng giám đốc, (04) Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc).

- Tổng giám đốc: là người đại diện theo pháp luật, điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty theo chức năng nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, trực tiếp phụ trách các công việc liên quan đến công tác cán bộ, tổ chức, tiền lương, tuyển dụng lao động; kế hoạch, đầu tư; tài chính; thi đua khen thưởng, kỷ luật;

- Các Phó tổng giám đốc: giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện từng lĩnh vực công tác và theo dõi một số đơn vị được Tổng giám đốc phân công, được sử dụng quyền hành của Tổng giám đốc để giải quyết các công việc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các quyết định của mình.

- Kế toán trưởng công ty: Giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý tài chính, kế toán của Công ty.

- Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.Hải Phòng: Trực tiếp giải quyết và điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hải Phòng theo uỷ quyền của Tổng giám đốc, theo quy chế hoạt động của Chi nhánh và điều lệ hoạt động của Công ty

- Giám đốc Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh: Trực tiếp giải quyết và điều hành hoạt động của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh theo uỷ quyền của Tổng giám đốc, theo quy chế hoạt động của Chi nhánh và điều lệ hoạt động của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần của công ty
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Số Một	Số 123 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (84) 28 35106937 Fax: (84) 28 35106927	25%
2	Công ty Cổ phần cảng An Giang	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (84) 296 3831447 Fax: (84) 296 3831129 - Email: cangmythoi@gmail.com - Website: www.angiangport.com.vn	1,37%
3	Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Số 2, đường Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Điện thoại: (84) 256 3893888 Fax: (84) 256 3893888 - Email: info@quynhonnewport.vn - Website: www.quynhonnewport.vn	0,93%
4	Công ty Cổ phần Tân cảng 189	Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng Điện thoại: (84) 225 6527386 Fax: (84) 225 3260466	3%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Trở thành nhà tư vấn đầu tư xây dựng công trình cảng - đường thủy, giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam;
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tăng cường quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các nhà đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết với các đơn vị tư vấn có uy tín để tham gia thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và khu vực nhằm phấn đấu đạt được các chỉ tiêu: Doanh thu, lợi nhuận hàng năm tăng từ 3% trở lên; Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước; Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động; Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, thực hiện kinh doanh đúng pháp luật.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn có chất lượng mang lại hiệu quả cho các nhà đầu tư, khách hàng.
- Môi trường làm việc thân thiện và hiệu quả cao, có đạo đức nghề nghiệp và có nhiệt huyết xây dựng Công ty.

6. Các rủi ro:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn đầu tư xây dựng các công trình cảng - đường thủy nên thị trường của Công ty gắn liền với hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản các công trình giao thông cảng - đường thủy (hệ thống cảng biển, nhà máy đóng sửa chữa tàu, luồng tàu, hệ thống báo hiệu hàng hải). Trong khi đó:

- Hệ thống cảng biển cơ bản đã được đầu tư theo quy hoạch; việc phát triển một số cảng biển cửa ngõ, tiếp nhận tàu trọng tải lớn đòi hỏi vốn đầu tư lớn, trong khi nguồn vốn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp; vốn đầu tư lớn, tỉ suất lợi nhuận không cao, thời gian thu hồi vốn dài nên chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư khu vực tư nhân.

- Hệ thống luồng hàng hải cũng đã cơ bản hoàn thiện, chủ yếu thực hiện công tác bảo trì, nạo vét duy tu hoặc nâng cấp luồng;

- Lĩnh vực công nghiệp đóng tàu hầu như không có công trình được triển khai đầu tư, do các nhà máy đóng sửa chữa tàu dân sự, quân sự đã cơ bản hoàn thành.

Từ các phân tích trên cho thấy triển vọng phát triển thị trường tư vấn liên quan đến lĩnh vực cảng - đường thủy trong thời gian tới sẽ hạn chế, gặp nhiều khó khăn, Công ty sẽ cần tiếp tục mở rộng ngành nghề kinh doanh, thực hiện toàn diện công tác tư vấn quản lý dự án đầu tư; đồng thời, tiếp tục nâng cao năng lực, sức cạnh tranh hơn nữa để tham gia tư vấn các dự án cầu - đường bộ, công trình công nghiệp, dân dụng và các dịch vụ tư vấn khác.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng hợp kết quả các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2018	TH 2018	TH 2017	So sánh	So sánh
					TH 2018 /KH 2018	TH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu	105.500	112.420	111.366	106,56%	100,95%
-	<i>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính</i>		<i>94.048</i>	<i>96.177</i>		

-	Doanh thu hoạt động tài chính		16.017	15.053		
-	Thu nhập khác		2.354	134		
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.500	23.524	22.107	104,55%	106,41%
-	LN từ hoạt động kinh doanh		23.416	22.335		
-	LN khác		108	(228)		-

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tổng doanh thu đạt 112,42 tỉ đồng, bằng 100,95% so với thực hiện năm 2017, tăng 6,56% so với kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 23,524 tỉ đồng, bằng 106,41% so với thực hiện năm 2017, tăng 4,55% so với kế hoạch năm 2018.

- Nộp ngân sách nhà nước năm 2018 là 17,574 tỉ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	<p>Ông Phạm Trung Kiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 03/11/1972 - Số CMND: 024998525 cấp ngày 20/12/2012 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - đường thủy; Tiến sỹ kỹ thuật - Tóm tắt quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> + Tháng 9/1994 ÷ 03/2006: Kỹ sư thiết kế, Phó phòng thiết kế, Trưởng phòng thiết kế công trình - Chi nhánh Công ty tại TP.HCM; + Tháng 03/2006 ÷ 12/2009: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM + Tháng 01/2010 ÷ 01/2011: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM + Tháng 01/2011 ÷ 5/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM; + Tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty 	20,261%, trong đó Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam 20%, Cá nhân sở hữu 0,261%
2	<p>Ông Nguyễn Hữu Hòa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 16/6/1956 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012920494 cấp ngày 21/08/2013 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, kỹ sư xây dựng công trình thủy 	0,549%

	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 12/1978 ÷ 11/1955: Kỹ sư thiết kế + Tháng 12/1955 ÷ 12/1998: Phó phòng Thiết kế Quy hoạch + Tháng 01/1999 ÷ 03/2002: Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp. Hà Nội; + Tháng 04/2002 ÷ 2015: Phó Tổng giám đốc Công ty + Từ năm 2005 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty 	
3	<p>Ông Lê Hữu Quảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 15/08/1979 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036079002807 cấp ngày 21/9/2016 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đầu tư - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 7/2001 ÷ 11/2004: Chuyên viên kinh tế, dự toán phòng Thiết kế Quy hoạch Chi nhánh Công ty tại Tp. Hà Nội + Tháng 11/2004 ÷ 01/2011: Phó phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 01/2011 ÷ 4/2014: Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 4/2014 ÷ 10/2015: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 10/2015 ÷ 4/2016: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư + Tháng 4/2016 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch vật tư 	<p>29,137%, trong đó Đại diện Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam 29%, Cá nhân sở hữu 0,137%</p>
4	<p>Ông Lê Tấn Đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 08/12/1974 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001074004189 cấp ngày 26/03/2015 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy - Tóm tắt quá trình công tác: + Tháng 8/1998 ÷ 01/2011: Kỹ sư thiết kế, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch; + Tháng 01/2011 ÷ 7/2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Thiết kế Quy hoạch; + Tháng 7/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty 	<p>0,275%</p>
5	<p>Ông Đình Văn Ngọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc - Ngày tháng năm sinh: 30/4/1974 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024636607 cấp ngày 19/10/2006 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - đường thủy - Tóm tắt quá trình công tác: 	<p>0,357%</p>

	<p>+ Tháng 8/1995 ÷ 3/2006: Kỹ sư thiết kế, Trưởng phòng Thiết kế Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM;</p> <p>+ Tháng 4/2006 ÷ 5/2016: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM;</p> <p>+ Tháng 5/2016 ÷ 01/2017: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM;</p> <p>+ Tháng 02/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM</p>	
6	<p>Ông Trần Hải Thanh</p> <p>- Chức vụ: Kế toán trưởng</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 02/10/1972</p> <p>- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 023860758 cấp ngày 07/11/2014 tại TP.HCM</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.</p> <p>- Tóm tắt quá trình công tác:</p> <p>+ Tháng 7/1993 ÷ 11/1993: Nhân viên P. Tài chính kế toán.</p> <p>+ Tháng 11/1993 ÷ 04/2006: Trưởng kế toán Chi nhánh Công ty tại TP.HCM.</p> <p>+ Tháng 04/2006 ÷ 10/2010: Ủy viên HĐQT, Phó trưởng phòng TCKT Công ty kiêm trưởng kế toán chi nhánh tại TP.HCM.</p> <p>+ Tháng 10/2010 ÷ 6/2016: Ủy viên HĐQT, phó giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP.HCM.</p> <p>+ Tháng 06/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.</p>	0,534%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

- Số lượng cán bộ, nhân viên (Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)

+ Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến ngày 31/12/2018): 140 người

+ Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; thực hiện đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư :

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2018 (đã bao gồm thuế GTGT): 3.969.563.985 đồng

Gồm:

- Công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị: 1.355.393.980 đồng

- Chi phí XD/CB dở dang 2.614.170.005 đồng

3.2. Các dự án đầu tư trong năm 2018

- Các dự án đầu tư chuyển tiếp từ năm 2017 sang: Dự án thi công xây dựng cơ sở sản xuất Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại số 112 đường Lê Thánh Tông, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng: Đã khởi công quý II/2017, hoàn thành quý IV/2018, đang hoàn thiện hồ sơ hoàn công và quyết toán công trình.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

TT	Tên Công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Mệnh giá cổ phần	Vốn góp ban đầu	Vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Đầu tư và tư vấn thiết kế Số Một	75.000 cổ phần	10.000 đồng/cp	225.000.000	750.000.000	25%
2	Công ty CP Tân cảng 189 - Hải Phòng	300.000 cổ phần	10.000 đồng/cp	3.000.000.000	3.000.000.000	3%
3	Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	100.000 cổ phần	10.000 đồng/cp	1.000.000.000	1.000.000.000	0,93%
4	Công ty CP Cảng Mỹ Thới An Giang	187.000 cổ phần	10.000 đồng/cp	1.897.115.000	1.870.000.000	1,37%
	Tổng cộng	662.000 cổ phần	10.000 đồng/cp	6.112.115.000	6.620.000.000	

Qua báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên kết và các công ty đầu tư góp vốn tiếp tục diễn biến thuận lợi, đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra.

4. Tình hình tài chính năm 2018

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	286.559.426.403	295.401.889.108	+ 3,09 %
Doanh thu thuần	96.177.645.019	94.048.439.335	- 2,21 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.335.617.141	23.416.269.864	+ 4,84%
Lợi nhuận khác	(228.297.070)	108.417.313	%
Lợi nhuận trước thuế	22.107.320.071	23.524.687.177	+ 6,41 %
Lợi nhuận sau thuế	17.960.000.323	19.185.468.093	+ 6,82 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%/VĐL	20%/VĐL	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,03	1,06	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,88	0,89	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,75	0,74	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,99	2,90	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,03	1,61	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (%)	35,56%	31,84%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	18,67%	20,40%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	25,04%	25,33%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	6,27%	6,49%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	23,22%	24,90%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.004.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 4.004.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật & Điều lệ Công ty: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Danh mục cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn, nhỏ	219	4.004.000	100%
-	Cổ đông lớn (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam)	1	1.961.960	49%
-	Cổ đông nhỏ	218	2.042.040	51%
2	Cổ đông tổ chức, cá nhân	219	4.004.000	100%
-	Tổ chức trong nước (Tổng công ty Hàng hải Việt Nam)	1	1.961.960	49%
-	Tổ chức nước ngoài	0	0	0%
-	Cá nhân trong nước	218	2.042.040	51%
-	Cá nhân nước ngoài	0	0	0%
3	Cổ đông nhà nước, cổ đông khác	219	4.004.000	100%
-	Cổ đông Nhà nước	1	1.961.960	49%
-	Cổ đông khác	218	2.042.040	51%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

5.5. Các chứng khoán khác: Không có giao dịch

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Khoa học công nghệ đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ môi trường, là nền tảng

phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hệ thống quản lý, xây dựng cơ chế, chính sách của Nhà nước luôn đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Công ty luôn lấy tiêu chí ứng dụng khoa học công nghệ, giải pháp công nghệ cao vào sản phẩm tư vấn cung cấp cho khách hàng, luôn hoạt động trong cơ chế quản lý của Nhà nước về bảo vệ môi trường đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bằng những nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã phát huy những điều kiện thuận lợi và vượt qua những khó khăn, thách thức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 112,42 tỉ đồng, bằng 100,95% so với thực hiện năm 2017, tăng 6,56% so với kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 23,524 tỉ đồng, bằng 106,41% so với thực hiện năm 2017, tăng 4,55% so với kế hoạch năm 2018.

- Nộp ngân sách nhà nước năm 2018 là 17,574 tỉ đồng.

- Chi trả cổ tức dự kiến 20% vốn điều lệ;

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định và các chế độ, chính sách cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017
1. Tài sản ngắn hạn	232.527.928.153	221.891.020.403
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.386.851.873	15.988.519.381
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	167.700.000.000	153.045.000.000
- Các khoản phải thu ngắn hạn	21.881.795.833	19.832.424.058
- Hàng tồn kho	36.328.698.545	32.149.403.411
- Tài sản ngắn hạn khác	230.581.902	875.673.553
2. Tài sản dài hạn	62.873.960.955	64.668.406.000
- Các khoản phải thu dài hạn	29.589.106.072	22.745.503.769
- Tài sản cố định	23.014.861.760	25.033.228.916
- Tài sản dở dang dài hạn	3.812.654.556	1.910.329.941
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.122.115.000	14.622.115.000
- Tài sản dài hạn khác	335.223.567	357.228.374

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017
1. Nợ ngắn hạn	219.507.671.855	214.658.677.114
- Phải trả người bán ngắn hạn	1.409.883.706	466.742.185
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	187.272.985.372	179.929.631.362
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.433.070.292	2.869.298.872
- Phải trả người lao động	23.781.503.736	22.764.108.125

- Chi phí phải trả ngắn hạn	737.019.860	2.692.462.529
- Phải trả ngắn hạn khác	387.760.493	1.049.635.654
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.485.448.396	4.886.798.387
2. Nợ dài hạn	161.948.000	161.948.000
- Phải trả dài hạn khác	161.948.000	161.948.000

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của công ty ngày càng tinh gọn hơn, duy trì đội ngũ nhân lực giỏi và tận tâm, góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty.

- Về chính sách, quản lý: Ban giám đốc luôn xây dựng và không ngừng hoàn thiện các chính sách của Công ty để tạo ra một môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, góp phần mang lại hiệu quả cao cho công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trở thành nhà tư vấn đầu tư xây dựng công trình cảng - đường thủy, giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam;

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. Để có được kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng không ngừng toàn thể cán bộ nhân viên. Kết quả đạt được năm 2018 đã khẳng định được vị thế, thương hiệu trên thị trường đồng thời tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông.

Trách nhiệm với môi trường: Ưu tiên ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, biện pháp thi công tiên tiến trong các sản phẩm tư vấn để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đồng thời triển khai các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân viên, người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2018, Hội đồng quản trị triển khai giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý
- Giám sát Ban điều hành trong các cuộc họp giao ban Công ty
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của Ban kiểm soát về công tác quản trị điều hành của Ban điều hành và tình hình hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát: Ban điều hành Công ty đã có những cố gắng trong việc điều hành Công ty. Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao như: Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được kế hoạch đã đề ra trong năm 2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành đề ra các giải pháp tiếp cận, mở rộng thị trường; Tăng cường quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các nhà đầu tư nước ngoài, liên doanh, liên kết với các đơn vị tư vấn có uy tín để tham gia thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và khu vực; Nâng cao chất lượng nhân sự; Tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo điều kiện môi trường làm việc tốt nhất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng tư vấn, phấn đấu đạt được các chỉ tiêu sau: Doanh thu, lợi nhuận hàng năm tăng từ 3% trở lên; Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước; Đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động; Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông; Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, thực hiện kinh doanh đúng pháp luật.



V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán TTP, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	232.527.928.153	221.891.020.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.386.851.873	15.988.519.381
1. Tiền	111	6.386.851.873	15.988.519.381
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	167.700.000.000	153.045.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	167.700.000.000	153.045.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	21.881.795.833	19.832.424.058
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	17.371.171.729	16.425.172.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.611.719.620	1.948.357.642
6. Các khoản phải thu khác	136	15.504.243.000	13.335.645.534
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(12.605.338.516)	(11.876.751.839)
IV. Hàng tồn kho	140	36.328.698.545	32.149.403.411
1. Hàng tồn kho	141	36.328.698.545	32.149.403.411
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	230.581.902	875.673.553
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	230.581.902	875.673.553
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	62.873.960.955	64.668.406.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	29.589.106.072	22.745.503.769
6. Phải thu dài hạn khác	216	29.589.106.072	22.745.503.769
II. Tài sản cố định	220	23.014.861.760	25.033.228.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	22.913.861.427	24.856.382.583
- Nguyên giá	222	35.118.486.856	35.208.986.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(12.204.625.429)	(10.352.604.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	101.000.333	176.846.333
- Nguyên giá	228	708.060.397	708.060.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(607.060.064)	(531.214.064)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	3.812.654.556	1.910.329.941
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.812.654.556	1.910.329.941
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.122.115.000	14.622.115.000

2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	225.000.000	225.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.897.115.000	5.897.115.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	8.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	335.223.567	357.228.374
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	335.223.567	357.228.374
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	295.401.889.108	286.559.426.403
NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	219.669.619.855	214.820.625.114
I. Nợ ngắn hạn	310	219.507.671.855	214.658.677.114
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.409.883.706	466.742.185
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	187.272.985.372	179.929.631.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.433.070.292	2.869.298.872
4. Phải trả người lao động	314	23.781.503.736	22.764.108.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	737.019.860	2.692.462.529
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	387.760.493	1.049.635.654
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.485.448.396	4.886.798.387
II. Nợ dài hạn	330	161.948.000	161.948.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	161.948.000	161.948.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75.732.269.253	71.738.801.289
I. Vốn chủ sở hữu	410	75.732.269.253	71.738.801.289
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	40.040.000.000	40.040.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411B	40.040.000.000	40.040.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	16.506.801.160	13.738.800.966
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.185.468.093	17.960.000.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	19.185.468.093	17.960.000.323
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	295.401.889.108	286.559.426.403

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	94.048.439.335	96.177.645.019
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	94.048.439.335	96.177.645.019
4. Giá vốn hàng bán	11	55.208.874.241	59.091.134.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	38.839.565.094	37.086.510.871

6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.017.149.534	15.053.957.355
7. Chi phí tài chính	22		19.800.264
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.440.444.764	29.785.050.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	23.416.269.864	22.335.617.141
11. Thu nhập khác	31	2.354.814.876	134.664.423
12. Chi phí khác	32	2.246.397.563	362.961.493
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	108.417.313	(228.297.070)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	23.524.687.177	22.107.320.071
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.339.219.084	4.147.319.748
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	19.185.468.093	17.960.000.323
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.875	2.691
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	119.552.188.009	121.951.227.195
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(36.973.094.349)	(38.585.997.522)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(50.024.641.064)	(54.432.932.157)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.819.890.689)	(4.074.267.466)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.519.675.035	27.510.935.384
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(38.764.858.587)	(49.184.662.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.489.378.355	3.184.303.078
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.647.955.753)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		130.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(320.515.000.000)	(304.362.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	285.260.000.000	301.353.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.008.784.008	13.762.385.195
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(19.246.215.992)</i>	<i>9.735.429.442</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.853.195.397)	(5.936.322.747)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(7.853.195.397)</i>	<i>(5.936.322.747)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.610.033.034)	6.983.409.773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.988.519.381	9.005.946.606
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.365.526	(836.998)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.386.851.873	15.988.519.381

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Trung Kiên